

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 886 /QĐ-ĐHHD ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Lịch sử Việt Nam
 - + Tiếng Anh: Vietnamese history
- Số quyết định của BGD&ĐT cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ: 1586/QĐ-BGDĐT ngày 06/5/2013
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8229013
- Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung
- Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo: 02 năm (24 tháng)
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ lịch sử Việt Nam
 - + Tiếng Anh: Master of Vietnamese History
- Khoa đào tạo: Khoa Khoa học Xã hội, Trường ĐH Hồng Đức

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành lịch sử Việt Nam: có kiến thức hệ thống, chuyên sâu và cập nhật về lịch sử Việt Nam; biết vận dụng kiến thức cơ sở và các lý thuyết nghiên cứu Lịch sử vào thực tiễn; có năng lực phát hiện, nghiên cứu độc lập, sáng tạo các vấn đề của lịch sử Việt Nam cũng như các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức cơ bản, cập nhật về triết học, lịch sử tư tưởng và văn hóa, ngôn ngữ và phương pháp, tạo cơ sở vững chắc cho việc vận dụng tiếp nhận tốt kiến thức chuyên ngành;

- Có kiến thức hệ thống, chuyên sâu và cập nhật về lịch sử Việt Nam trên cơ sở những tri thức đã lĩnh hội được ở bậc Đại học.

2.2.2. Về kỹ năng

- Có tư duy phân biện và khả năng độc lập nghiên cứu, nhạy bén và linh hoạt trong việc tiếp cận, phát hiện, đề xuất và giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Việt Nam

- Có kĩ năng triển khai nghiên cứu một đề tài thuộc lĩnh vực nghiên cứu lịch sử Việt Nam nói riêng và khoa học xã hội nhân văn nói chung.

2.2.3. Về thái độ

Quan tâm, tích cực và sáng tạo trong việc phát hiện và giải quyết các vấn đề

về lý thuyết và lịch sử Việt Nam; biết trân trọng, gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc.

2.2.4. Về khả năng và vị trí công tác của người sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành *Lịch sử Việt Nam* theo chương trình này, học viên có thể trở thành giảng viên trung học cao cấp giảng dạy Lịch sử ở các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp; đủ chuẩn làm giảng viên dạy Lịch sử Việt Nam ở các trường cao đẳng, đại học; làm công tác quản lý hoặc chuyên viên ở các cơ quan nghiên cứu, cơ quan quản lý giáo dục, quản lý hành chính, văn hóa; có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học; có thể giữ các cương vị cán bộ chủ chốt; chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp Tỉnh, cấp Bộ và cấp Nhà nước; có thể tiếp tục làm nghiên cứu sinh và học tập đạt học vị tiến sĩ chuyên ngành *Lịch sử Việt Nam*.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

3.1.1. Thi tuyển

- Môn thi tuyển sinh:

+ Môn thi chủ chốt: Lịch sử Việt Nam

+ Môn thi không chủ chốt: Phương pháp luận sử học

+ Môn thi Ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.1.2. Xét tuyển

Áp dụng cho các đối tượng dự tuyển là người nước ngoài và được quy định cụ thể trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 692/QĐ-ĐHHD ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức.

3.3. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp

- ĐH Sư phạm Lịch sử

- ĐH Lịch sử

3.4. Danh mục ngành gần và khối lượng kiến thức bổ sung

Tên ngành Đại học	Tên học phần bổ sung	Số tín chỉ
Ngành gần nhóm 1 - Bảo tồn bảo tàng - Sư phạm Văn-Sử -Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	2
	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Miền Nam giai đoạn 1954 – 1975	2
	Làng xã Việt Nam	2
	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	2
	Phương pháp luận sử học	2
Ngành gần nhóm 2	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	3

-Việt Nam học	Lịch sử Việt Nam cận hiện đại	3
- Triết học	Lịch sử thế giới cổ trung đại	3
-Chủ nghĩa xã hội khoa học	Lịch sử thế giới cận hiện đại	3
-Đông Phương học	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	2
-Quốc tế học	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Miền Nam giai đoạn 1954 – 1975	2
-Khoa học Chính trị	Làng xã Việt Nam	2
-Luu trữ học	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	2
- Nhân học	Phương pháp luận sử học	2
- Quản lý văn hóa		
- Xã hội học		

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1.1. Kiến thức chung:

Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Triết học để có được nhận thức và hành động đúng đắn trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

1.1.2. Kiến thức ngành: Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lí và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn; có tư duy khoa học trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

1.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Tăng cường kiến thức chuyên sâu về một số lĩnh vực chủ yếu trong tiến trình lịch sử dân tộc cũng như kiến thức liên ngành về những vấn đề liên quan đến lịch sử Việt Nam, tiếp cận và lý giải những vấn đề lịch sử đã và đang được đặt ra cho giới sử học nước nhà

- Nâng cao khả năng tự nghiên cứu về khoa học lịch sử, nhất là những vấn đề lịch sử Việt Nam, có khả năng nghiên cứu độc lập và làm chủ lĩnh vực chuyên sâu mà mình lựa chọn.

1.2. Năng lực ngoại ngữ

Có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;

d) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL: 500 PBT, 173 CBT, 61 iBT; First

Certificate in English FCE; BEC Vantage; 60 BULATS; 625 TOEIC; 5.0 IELTS; chứng chỉ tiếng Anh B2 (Khung Châu Âu) và Bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp (xem thêm Phụ lục I) hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm, tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày nộp luận văn đề nghị bảo vệ;

đ) Trình độ năng lực ngoại ngữ đạt được ở mức tương đương bậc 4/6 Khung Việt Nam do Nhà trường tổ chức đánh giá, điểm đạt từ 6,0 điểm trở lên thì được cấp chứng nhận ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra.

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể tiếp thu được một bài báo hay một bài phát biểu về một số chủ đề cơ bản trong lĩnh vực chuyên ngành lịch sử Việt Nam; có thể diễn đạt, viết báo cáo ngắn hoặc trình bày được các ý kiến cơ bản của mình trong phản biện khoa học bằng ngoại ngữ thuộc lĩnh vực chuyên ngành lịch sử Việt Nam.

1.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

1.3.1. Năng lực tự chủ: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành lịch sử Việt Nam và đề xuất những sáng kiến có tính khả thi; có khả năng định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp thuộc chuyên ngành lịch sử Việt Nam; có khả năng xây dựng và thẩm định kế hoạch; có năng lực dẫn dắt chuyên môn, phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn.

1.3.2. Năng lực tự chịu trách nhiệm: Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng nhận định, đánh giá và đề xuất phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ

a) Luận văn là một báo cáo khoa học, vừa có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; vừa giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

b) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

d) Luận văn được trình bày theo Quy định thủ tục đăng ký làm luận văn, bảo vệ luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành theo Quyết định số 512-QĐ/ĐHHĐ ngày 17/4/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Biết lập luận khoa học để xác định rõ đối tượng nghiên cứu lịch sử, tính chất của nhận thức lịch sử, nắm được và có khả năng áp dụng một cách thuần thục quy trình nghiên cứu về mặt lí thuyết để có thể ứng dụng khi thực hành nghiên cứu lịch sử đạt chất lượng cao;

- Nắm vững phương pháp và những lí thuyết nghiên cứu cơ bản về khoa học lịch sử nói chung, về một hướng chuyên ngành lịch sử Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó biết cách triển khai thực hiện sáng tạo các đề tài nghiên cứu khoa học và tiếp cận các hướng chuyên ngành khác của khoa học lịch sử cũng như của khoa học xã hội và nhân văn nói chung;

- Kỹ năng xác định, phân tích và giải quyết vấn đề của khoa học lịch sử

+ Có khả năng xác định vấn đề, đặt câu hỏi nghiên cứu/ giả thuyết nghiên cứu;

+ Có khả năng xác định mức độ ưu tiên đối với từng câu hỏi nghiên cứu/giả thuyết nghiên cứu;

+ Có khả năng lựa chọn và vận dụng sáng tạo các phương pháp nghiên cứu lịch sử trong phân tích và giải quyết vấn đề thuộc hướng chuyên ngành được đào tạo ;

+ Có khả năng phân bổ thời gian, nguồn lực để giải quyết vấn đề ;

- Kỹ năng điều tra, khảo sát

+ Khảo sát trên tài liệu (biết cách tra cứu tài liệu bằng công cụ tìm kiếm, trong thư viện; biết cách sắp xếp và phân loại thông tin; biết cách đánh giá độ tin cậy của thông tin; có khả năng xác định các vấn đề nghiên cứu còn tồn đọng, các vấn đề chưa/ít được quan tâm nghiên cứu; biết cách liệt kê, trích dẫn tài liệu tham khảo) ;

+ Khảo sát trên thực tế (hiểu các phương pháp thực hiện khảo sát thực tế đối với từng chuyên ngành cụ thể; có khả năng tiến hành khảo sát cá nhân/theo nhiều nhóm khác nhau; có khả năng vận dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ để thực hiện khảo sát) ;

- Khái quát hoá các kết quả nghiên cứu thực nghiệm/lí thuyết.

2.2. Các kỹ năng bổ trợ

- Kỹ năng làm việc, giải quyết độc lập, sáng tạo ;

- Kỹ năng làm việc nhóm

+ Thành lập nhóm ;

+ Xác định vai trò thành viên hay lãnh đạo nhóm ;

+ Xác định kế hoạch làm việc của nhóm ;

+ Triển khai kế hoạch làm việc, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện ;

+ Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh ;

- Kỹ năng giao tiếp

+ Xây dựng ý tưởng, lập luận ;

+ Giao tiếp cá nhân trực tiếp ;

+ Thuyết trình trước đám đông ;

- + Giao tiếp bằng văn bản ;
- + Giao tiếp qua các phương tiện kỹ thuật công nghệ ;
- Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh vào việc đọc hiểu, viết, phản biện, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học; thành thạo kỹ năng tin học văn phòng.

3. Phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Nhận thức và ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức;
- Trung thực và giữ uy tín.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác và tận tụy trong công việc;
- Trung thực trong nghiên cứu và trong khai thác, trích dẫn các kết quả nghiên cứu;
- Ý thức được trách nhiệm và thể hiện trách nhiệm trong công việc.

4. Những vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành lịch sử Việt Nam theo khung chương trình này, học viên có khả năng giảng dạy Lịch sử ở các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy lịch sử Việt Nam ở các trường cao đẳng, đại học; làm công tác quản lý hoặc chuyên viên ở các cơ quan nghiên cứu, cơ quan quản lý giáo dục, quản lý văn hóa, hành chính; có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học; có thể giữ các cương vị cán bộ chủ chốt, chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp Tỉnh, cấp Bộ và cấp Nhà nước.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học lên trình độ Tiến sĩ chuyên ngành lịch sử Việt Nam;
- Học các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp;
- Học bằng Thạc sĩ các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Quản lý, khối Khoa học xã hội và nhân văn...

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	60
Khối kiến thức chung	10
Khối kiến thức cơ sở	18
+ Bắt buộc	12
+ Tự chọn	6
Khối kiến thức chuyên ngành	17
+ Bắt buộc	11
+ Tự chọn	6
Luận văn thạc sĩ	15

2. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học kỳ	Bộ môn phụ trách
				LT	BT/TL	Tự học		
I	Khối kiến thức chung							
1	8THXH1	Triết học	4	36	48	180	1	Khoa LLCT-Luật
2	8TA001	Tiếng Anh 1	3	27	36	135	1	Khoa NN
3	8TA002	Tiếng Anh 2	3	27	36	135	2	Khoa NN
II	Khối kiến thức cơ sở		18					
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>12</i>					
4	7LS103	Một số vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu lịch sử	2	18	24	90	1	Lịch sử
5	7LS104	Quá trình phát triển các hình thái kinh tế xã hội trong lịch sử Việt Nam	2	18	24	90	1	Lịch sử
6	7LS105	Vấn đề văn hóa Đông Nam Á và lịch sử quá trình hội nhập	2	18	24	90	1	Lịch sử
7	7LS106	Lí luận và lịch sử tôn giáo	2	18	24	90	1	Lịch sử
8	7LS107	Một số vấn đề cơ bản về lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	18	24	90	2	Lịch sử
9	7LS108	Trí thức Việt Nam	2	18	24	90	2	Lịch sử
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 3/6 chuyên đề)</i>		<i>6</i>					
10	7LS209	Phương pháp nghiên cứu khu vực học	2	18	24	90	2	Lịch sử
11	7LS210	Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam	2	18	24	90	2	Lịch sử
12	7LS211	Thành phần tộc người và quan hệ tộc người Việt Nam	2	18	24	90	2	Lịch sử
13	7LS212	Quan hệ giữa các nước phương Tây với các nước Đông Nam Á từ thế kỷ XVI đến XIX	2	18	24	90	2	Lịch sử

14	7LS213	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời cổ trung đại	2	18	24	90	2	Lịch sử
15	7LS214	Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước Âu - Mỹ từ năm 1897 đến năm 1945	2	18	24	90	2	Lịch sử
III	Khối kiến thức chuyên ngành		17					
	Các học phần bắt buộc		11					
16	7LS215	Một số vấn đề về đô thị và đô thị hóa trong lịch sử Việt Nam	3	27	36	135	2	Lịch sử
17	7LS216	Triều Nguyễn trong lịch sử dân tộc	2	18	24	90	3	Lịch sử
18	7LS217	Lịch sử chống ngoại xâm và những vấn đề về nghệ thuật Quân sự Việt Nam	2	18	24	90	3	Lịch sử
19	7LS218	Xu hướng Duy Tân đất nước ở Việt Nam	2	18	24	90	3	Lịch sử
20	7LS219	Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử Việt Nam	2	18	24	90	3	Lịch sử
	Các học phần tự chọn (chọn 3/11 học phần)		6					
21	7LS220	Xã hội Việt Nam thế kỷ XVII – XVIII	2	18	24	90	3	Lịch sử
22	7LS221	Một số vấn đề Kinh tế - Xã hội Việt Nam từ 1986 đến nay	2	18	24	90	3	Lịch sử
23	7LS222	Các Đảng phái chính trị Việt Nam trước năm 1945	2	18	24	90	3	Lịch sử
24	7LS223	Một số vấn đề về giai cấp nông dân Việt Nam thời kỳ hiện đại	2	18	24	90	3	Lịch sử
25	7LS224	Hồ Chí Minh với sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam	2	18	24	90	3	Lịch sử
26	7LS225	Một số vấn đề về nông dân và phong trào nông dân trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam	2	18	24	90	3	Lịch sử

27	7LS226	Lịch sử các vấn đề về tôn giáo ở Việt Nam	2	18	24	90	3	Lịch sử
28	7LS227	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam	2	18	24	90	3	Lịch sử
29	7LS228	Việt Nam thế kỷ XIX: một số vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội và tư tưởng - văn hóa	2	18	24	90	3	Lịch sử
30	7LS229	Sự lựa chọn con đường cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX	2	18	24	90	3	Lịch sử
31	7LS230	Một số vấn đề về Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam	2	18	24	90	3	Lịch sử
IV	Luận văn tốt nghiệp		15				3+4	Lịch sử
	Tổng cộng		60					

3. Tiến trình đào tạo trong hai năm học

<i>Học kỳ</i>	<i>Tổng số học phần</i>	<i>Tổng số tín chỉ</i>	<i>Ghi chú</i>
I	6	15	
II	7	16	
III	7	14	
IV		15	Luận văn tốt nghiệp

4. Mô tả tóm tắt học phần

4.1. Học phần: Triết học (Chương trình dùng cho Cao học khối ngành KHXH&NV và Kinh tế - 4 tín chỉ)

4.1.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Triết học dùng để đào tạo trình độ thạc sĩ trình bày một cách có hệ thống quan điểm của các triết gia, của các trường phái triết học tiêu biểu trong lịch sử triết học về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; về vật chất, ý thức, về bản chất của thế giới, về phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất; về phép biện chứng; về lý luận nhận thức; về sự ra đời, tồn tại, phát triển các hình thái kinh tế - xã hội; về giai cấp, nhà nước, hệ thống chính trị, cách mạng xã hội; về ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

4.1.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi học xong học phần, học viên phải nắm được một cách có hệ thống và chính xác lý luận triết học nâng cao về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; bản chất của thế giới,

phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; về phép biện chứng, về bản chất và con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, về thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức; về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội; về ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

4.1.3. Năng lực cần đạt được

Học viên hiểu, trình bày, tái hiện lại được một cách chính xác kiến thức triết học được học trong chương trình. Hiểu được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Hình thành được năng lực phân tích, đánh giá đúng đắn các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy. Biết vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách hiệu quả. Hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Biết nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của Triết học trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

4.1.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 42 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết

+ Tự học: 180 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.1.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Tài liệu bắt buộc

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXX và NV không chuyên ngành Triết học), Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội 2016.

* Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHTN, CN), Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội 2016.

2. Bùi Thanh Quát (chủ biên), *Lịch sử Triết học*, Nxb Giáo dục 1999.

4.2. Học phần: Tiếng Anh 1

4.2.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 1 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 1 đến Unit 6 trong giáo trình *Target PET*.

Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:

Verbs to express “likes” and “dislikes”.

Present Simple

Present Continuous

Sentence structures: be keen on, be good at, be interested in

Comparatives and Superlatives

Sentence patterns: so/such + adjective/adverb ; too /enough ... to

Extremely adjectives

Describing people

Past Simple

Used to + V

Passive and Active

Sentence patterns: owing to/due to

Express agreeing and disagreeing

Suggesting

May, might, could

Quantifiers

Should / ought to

Adverbs and Adverbial Phrases; Forming adverbs

Past continuous and past simple

Conjunctions

Sentence patterns: despite / in spite of

Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.

Hobbies and interests

Communication and technologies

Family and furniture

Daily life

Food occasions

Going to the doctor

Forms of transport

Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B1. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

Các nội dung của học phần được phân bố đều trong 12 tuần.

4.2.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

* **Ngữ âm**

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

* **Ngữ pháp**

Kết thúc chương trình, học viên có thể:

Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong trong bộ sách “Target PET” (Sue Ireland and Joanna Kosta)

* **Từ vựng**

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 06 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B1.

4.2.3. Năng lực cần đạt được

* **Về mặt từ vựng, ngữ pháp**

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết

* **Về kỹ năng Nghe**

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe theo format đề B1 (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu,...)

* **Về kỹ năng Nói & Phát âm**

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân

* **Về kỹ năng Đọc**

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu...)

* **Về kỹ năng Viết**

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.

Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

4.2.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh

Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

4.2.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET. Richmond Publishing.* (Ký hiệu HLBB1)

2. Nguyễn Thị Quyết. 2016. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1).* Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

3. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File - Preintermediate 3rd edition.* Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB3)

* Tài liệu tham khảo

1. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa

2. *Cambridge PET.* (2004). Cambridge University Press

4.2.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: làm bài thi viết trên giấy

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

Thời gian làm bài thi: 120 phút.

4.3. Học phần: Tiếng Anh 2

4.3.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 2 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 07 đến Unit 12 trong giáo trình *Target PET*.

Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:

Comparatives and Superlatives.

Present perfect and past simple

Obligation, prohibition and permission

Relative pronouns

Forming words for jobs

Predicting the future

First conditional and unless

Going to

Second conditional questions.

Modal passives

Adjective order

Phrasal verbs to talk about clothes

Like and Just like

Have/get something done

Talking about money

Past perfect

Reported speech and reported questions

Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gắn gũi với cuộc sống hàng ngày.

Sports

Feelings and opinions

School and study

Computers and technology

Weather

Holidays

Music and festivals

Places to stay

Clothes

Money

Cinema

Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B1. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

Các nội dung của học phần được phân bố đều trong 12 tuần.

4.3.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

* Ngữ âm

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

* Ngữ pháp

Kết thúc chương trình, học viên có thể:

Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong trong bộ sách “Target PET” (Sue Ireland and Joanna Kosta)

* Từ vựng

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 11 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B1.

4.3.3. Năng lực cần đạt được

* Về mặt từ vựng, ngữ pháp

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết

*** Về kỹ năng Nghe**

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu...)

*** Về kỹ năng Nói & Phát âm**

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân

*** Về kỹ năng Đọc**

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu...)

*** Về kỹ năng Viết**

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.

Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

4.3.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh

Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

4.3.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

*** Giáo trình chính**

1. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET. Richmond Publishing.* (Ký hiệu HLBB1)

2. Nguyễn Thị Quyết. 2016. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1).* Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

3. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File - Preintermediate 3rd edition.* Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB3)

*** Tài liệu tham khảo**

1. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa

2. *Cambridge PET.* (2004). Cambridge University Press

4.3.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: làm bài thi viết trên giấy

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

Thời gian làm bài thi: 120 phút.

4.4. Học phần: Một số vấn đề phương pháp luận & phương pháp nghiên cứu lịch sử/ *Towards a methodology for historical research*

4.4.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho học viên các tri thức về quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nghiên cứu lịch sử và những vấn đề cơ bản của nội hàm khái niệm phương pháp luận sử học. Cung cấp cho học viên một số vấn đề cơ bản về lí thuyết sử học bao gồm: đối tượng sử học, tư tưởng sử học, nhận thức lịch sử, lí thuyết sử liệu học, mô hình thiết kế lịch sử... Những vấn đề trên nhằm giúp học viên hiểu rõ nội hàm khái niệm “lịch sử” và “sử học”. Học phần còn trình bày lí luận và hệ thống các phương pháp nghiên cứu lịch sử.

4.4.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được:

Học viên nắm được những lý luận hệ thống cơ bản, hệ thống về phương pháp luận sử học Mác xít: Tính chất, đặc trưng của nhận thức lịch sử xã hội; Sử học là một khoa học theo quan niệm của chủ nghĩa Máclênin; Một số quan điểm phương pháp luận macxit- Lêninnít về nhận thức lịch sử; về các quan điểm phương pháp luận sử học trong tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam

Những lý luận cơ bản về phương pháp nghiên cứu lịch sử; Một số vấn đề về sử liệu học; Phương pháp định lượng, định tính trong nghiên cứu lịch sử, những kỹ năng, kỹ thuật, hình thức, các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành; những xu hướng, thành tựu mới trong nghiên cứu sử học hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam

4.4.3. Năng lực cần đạt được:

- Biết vận dụng lý luận các quan điểm phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu lịch sử chủ yếu vào học tập, nghiên cứu.
- Có năng lực sưu tầm, phân loại và chọn lọc tư liệu lịch sử;
- Cơ bản biết sử dụng các phương pháp định lượng, định tính trong nghiên cứu lịch sử.
- Quán triệt sâu sắc phương pháp luận sử học trong tư tưởng Hồ Chí Minh vào học tập, nghiên cứu lịch sử.;
- Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh..., các phương pháp nghiên cứu liên ngành, PPNC khu vực học...

4.4.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.4.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo:

* Giáo trình chính

- 1). Phan Ngọc Liên- Chủ biên (2005), *Phương pháp luận sử học*, NXB ĐHQG, HN.

2). Hà Văn Tấn (2008), *Một số vấn đề lý luận sử học*, NXB ĐHQG Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

1) Phan Ngọc Liên- Chủ biên (2015), *Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1, 2*, NXB ĐHSP, HN

2). Phan Ngọc Liên – Chủ biên (2005), *Nhập môn sử học*, NXB Giáo dục, HN 2005.

3). *Một số luận án TS, luận văn ThS, Báo cáo tổng kết đề tài NCKH thuộc ngành Lịch sử* (lưu tại phòng Tư liệu khoa KHXH và Thư viện Trường Đại học Hồng Đức).

4.4.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận, 120 phút

4.5. Học phần : *Quá trình phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam/ The development process of socio-economic structure in Vietnamese history*

4.5.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

- Học phần cung cấp cho viên những nội dung cơ bản của lý luận về hình thái kinh tế - xã hội; các hình thái kinh tế- xã hội theo quan điểm của Mác và quy luật phát triển của các hình thái kinh tế- xã hội trong lịch sử loài người.

- Khái quát những thành tựu nghiên cứu về sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trên thế giới, khu vực và những vấn đề đặt ra khi nghiên cứu.

- Các hình thái- mô hình và đặc điểm phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử: Thời kỳ nguyên thủy; thời kỳ dựng nước; thời kỳ Bắc thuộc; các triều đại phong kiến độc lập; thời kỳ thuộc Pháp và thời kỳ hiện đại.

- Rút ra đặc điểm các mô hình kinh tế- xã hội Việt Nam trong so sánh với lịch sử phương Đông và phương Tây và từ đó, góp phần hiểu biết thêm về phương hướng phát triển của đất nước hiện nay.

4.5.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Học phần làm sáng tỏ khái niệm về *hình thái, mô hình* để từ đó lý giải nội hàm *hình thái kinh tế- xã hội* của Mác và *mô hình kinh tế- xã hội* trong lịch sử Việt Nam. Trên cơ sở trình bày khái quát các mô hình kinh tế- xã hội qua các thời kỳ lịch sử Việt Nam, học phần tập trung phân tích đặc điểm của từng mô hình kinh tế- xã hội trong từng thời kỳ lịch sử và rút ra được quy luật phát triển của lịch sử dân tộc.

4.5.3. *Năng lực cần đạt được*

- Đánh giá được mặt tích cực và hạn chế của các mô hình kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam để rút ra được bài học kinh nghiệm và vận dụng trong thực tiễn.

- Học viên nắm bắt được quy luật phát triển của xã hội loài người và biết vận dụng những kiến thức đã học vào công cuộc Đổi mới đất nước hiện nay.

4.5.4. *Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học*:

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lý thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.5.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. C. Mác, *Phê phán khoa kinh tế chính trị học*, Mác-Engen toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Tập XIII, Hà Nội, 1993.

3. C. Mác, Ph. Anghen, *Bàn về các xã hội tiền tư bản*, Nxb KHXH, H. 1975

3. C. Mác, *Những hình thức có trước sản xuất tư bản chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, H. 1976.

4. Vũ Minh Giang (2008), *Đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và HTCT nước ta trước thời kỳ Đổi mới*, NXB CTQG.

5. Hồ Chí Minh, *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000.

6. Phan Huy Lê, *Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam*, trong: *Tìm về cội nguồn*, Tập 1, Nxb Thế giới, in lần thứ 2, H. 1999

* Tài liệu tham khảo

1. Trương Hữu Quýnh: *Quá trình nảy sinh và xác lập của chế độ phong kiến ở Việt Nam*, Nghiên cứu lịch sử, số 4 – 1981

2. Nhiều tác giả : *Nghiên cứu hệ thống pháp luật Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII*. NXB KHXH 1994

3. Nhiều tác giả : *Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam* (sách do Bộ Tư pháp phát hành) Hà Nội, 1995

4. Nhiều tác giả : *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới*. NXB CTQG, 1999

5. Nhiều tác giả : *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam*. NXB CAND. 2002.

6. Vũ Quốc Thông: *Pháp chế sử Việt Nam*. Tủ sách Đại học Sài Gòn, 1966.

7. Yu Insun: *Luật và xã hội Việt nam thế kỷ XVII - XVIII*. NXB KHXH, 1994.

8. Viện Phát triển quốc tế, Đại học Harvard : *Những thách thức trên con đường cải cách ở Đông Dương*. NXB CTQG, 1994.

9. Yoshiharu Tsuboi: *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*. NXB Tp.HCM, 1995.

4.5.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận, 120 phút.

4.6. Học phần: Vấn đề văn hóa Đông Nam Á và lịch sử quá trình hội nhập/
The study of Southeast Asian cultures and history of the assimilation process

4.6.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức chuyên sâu về Văn hóa Đông Nam Á. Học phần cung cấp kiến thức tổng hợp về văn hóa Đông Nam Á trên các lĩnh vực đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người ở Đông Nam Á; tiến trình lịch sử và văn hóa của khu vực; các thành tố văn hóa Đông Nam Á.

4.6.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ khái niệm về văn hóa (dưới góc độ chính trị và từ góc độ văn hóa) để từ đó đi sâu phân tích nội hàm đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á truyền thống (văn hóa làng xã, văn hóa trồng đồng...). Trên cơ sở cái nhìn truyền thống, chuyên đề đồng thời thảo luận vấn đề văn hóa Đông Nam Á trong bối cảnh của các thời kỳ hội nhập, từ khi tiếp xúc với văn hóa Ấn - Hoa, qua giai đoạn giao lưu với văn hóa phương Tây đến giai đoạn kinh tế thị trường và hội nhập hiện đại

4.6.3. Năng lực cần đạt được

+ Trân trọng, gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á.

+ Có ý thức bảo vệ, gìn giữ các giá trị văn hoá Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng, qua đó góp phần bảo tồn gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

+ Học viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

4.6.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức: Dạy học trên lớp; kết hợp giữa cung cấp lí thuyết và thực hành, thảo luận.

- Phương pháp dạy học: thuyết trình, giao tiếp, thảo luận...

4.6.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Mai Ngọc Chừ, *Văn hóa Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 1998.

2. Mai Ngọc Chừ, *Văn hóa và ngôn ngữ phương Đông*, Nxb Phương Đông, 2009.

* Tài liệu tham khảo

1. Hà Văn Tấn, *Các hệ sinh thái nhiệt đới và tiền sử Việt Nam và Đông Nam Á*, TCKCH 3/1982.

2. Trần Quốc Vượng, *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1996.

3. Lê Sĩ Giáo, *Sự xuất hiện nghề trồng là một vấn đề quan trọng của dân tộc học nông nghiệp lịch sử*, Tạp chí Dân tộc học 1/ 1989.

4.6.6. Hình thức thi hết học phần: Bài tự luận, 120 phút.

4.7. Học phần: *Lý luận và lịch sử tôn giáo/ A general theory and history of the Religion*

4.7.1. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho người học các nội dung cơ bản những vấn đề cơ bản về lý luận tôn giáo, lịch sử tôn giáo. Các hình thái tôn giáo sơ khai trong thời kỳ xã hội nguyên thủy như Tô tem giáo, Thờ hồn linh, Saman giáo... đến các tôn giáo thế giới trong thời đại văn minh như Phật giáo, Ki tô giáo, Ixlam (Hồi giáo).

4.7.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ những nội dung cốt lõi lý luận của tôn giáo, nhận thức về tôn giáo qua các thời kỳ cũng như chức năng, vai trò, ý nghĩa của tôn giáo

trong đời sống con người. Cung cấp những nội dung cơ bản về các hình thái tôn giáo sơ khai đến các tôn giáo thế giới như Phật giáo, Ki tô giáo, Ixlam.

4.7.3. *Năng lực cần đạt được*

- Nhận thức khách quan về nguồn gốc tôn giáo, sự đa dạng của các thành phần tôn giáo và sự phát triển bình đẳng giữa các tôn giáo.

- Người học biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và có trách nhiệm gìn giữ và phát huy vai trò, chức năng, ý nghĩa của tôn giáo trở thành sức mạnh của dân tộc, tránh kỳ thị tôn giáo, kỳ thị dân tộc.

4.7.4. *Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học:*

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.7.5. *Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo:*

* Giáo trình chính

1. Đặng Nghiêm Vạn (2005), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Lương Thị Thoa (2000), *Lịch sử ba tôn giáo thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

1. *ALMANACH - Những nền văn minh thế giới* (1999), Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, tr.1022-1055.

2. Van Baaren (Trịnh Duy Hóa biên dịch) (2002), *Hồi giáo*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

3. Vũ Minh Chi (2004), *Nhân học văn hoá (con người với thiên nhiên, xã hội và thế giới siêu nhiên), Phần 4: con người và thế giới siêu nhiên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (2008), *Nhân học đại cương*, chương 5: *Tôn giáo*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

4.7.6. *Hình thức thi hết học phần* : Tự luận, 120 phút

4.8. Học phần: Một số vấn đề cơ bản về lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam/ An overview of history of Vietnamese Government and Laws

4.8.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Nội dung học phần cung cấp các kiến thức về tình hình chính trị-kinh tế Việt Nam qua các thời kì lịch sử liên quan đến nhà nước và pháp luật Việt Nam. Lịch sử nhà nước và pháp luật qua các thời kì, các đặc điểm pháp luật và tính chất của nhà nước Việt Nam, những cải cách nhà nước trong lịch sử, đặc điểm nhà nước thời cận, hiện đại.

4.8.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Học phần tập trung vào một số vấn đề cơ bản về lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam như: Mô hình nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ; thành tựu về mặt sáng tạo luật pháp của Việt Nam, đặc biệt là pháp luật thời phong kiến; quan hệ giữa các yếu tố làng xã, luật tục với nhà nước và pháp luật.

4.8.3. Năng lực cần đạt được

- Học viên có quan điểm về sự kế thừa truyền thống về văn hóa trong cách xây dựng bộ máy và pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ.

- Vận dụng kết quả nghiên cứu nội dung chuyên đề để giải quyết các vấn đề về lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam về mặt lý luận và thực tiễn.

- Biết trân trọng, giữ gìn những di sản văn hóa trong cách xây dựng nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam.

4.8.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.8.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo:

* Giáo trình chính

1. Vũ Thị Phụng, *Giáo trình lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2007.

2. *Đại cương lịch sử Việt Nam* (3 tập, Nxb Giáo dục), Trương Hữu Quỳnh (chb1), Đinh Xuân Lâm (chb2), Lê Mậu Hãn (chb3).

* Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Lê, *Lịch sử và văn hóa Việt Nam – Tiếp cận bộ phận*, Nxb Thế giới, 2012.

2. Vũ Minh Giang, *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta trước thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị QG, 2012.

3. Nguyễn Ngọc Nhuận (chb), *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2011 (3 tập).

4.8.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.9. Học phần: *Trí thức Việt Nam / The Vietnamese Intellectuals*

4.9.1. Tóm tắt nội dung học phần: Sự hình thành, cơ cấu và đặc điểm của trí thức Việt Nam qua các chặng đường lịch sử; vai trò của trí thức trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc; phương hướng và giải pháp nhằm tiếp tục xây dựng, phát huy vai trò của trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhất là trong việc phát triển khoa học công nghệ, xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

4.9.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được: Sự hình thành và phát triển của trí thức Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Những hoạt động, đóng góp nổi bật và vai trò của trí thức đối với công cuộc dựng nước và giữ nước.

4.9.3. Năng lực cần đạt được: Học viên tự phát hiện, mở rộng việc nghiên cứu những vấn đề về trí thức trong mối quan hệ với các giai tầng khác trong xã hội Việt Nam qua các thời kỳ của lịch sử dân tộc, so sánh với một số nước.

4.9.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học:

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.9.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo:

* Giáo trình chính

1. Nguyễn Văn Khánh (2016), *Trí thức Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc*, Nxb Chính Trị, Quốc Gia, HN.

2. Phạm Tất Dong (1995), *Trí thức VN- Thực tiễn và triển vọng*, Nxb CTQG, HN.

* Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Khánh (1994), *Vài suy nghĩ về thể hệ thanh niên trí thức VN đầu TK XX*, tạp chí NCLS, N0-5.

2. Nguyễn Văn Khánh (2004), *Trí thức với Đảng, Đảng với trí thức*, Nxb Thông Tấn, HN.

4.9.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.10. Học phần: *Phương pháp nghiên cứu khu vực học/ Area Studies Methodology*

4.10.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu các khái niệm khu vực, khu vực học và nội hàm các khái niệm văn hóa, văn minh. Trên cơ sở đó, phân tích lịch sử hình thành, quá trình phát triển của một số trường phái khu vực học lớn trên thế giới, đồng thời đi qua một số phương pháp tiếp cận phương pháp nghiên cứu khu vực học.

Nhu cầu cần thiết của việc nghiên cứu khu vực học ở Việt Nam. Giới thiệu một số thành tựu nghiên cứu Việt Nam nhìn từ góc độ khu vực học. Học phần giúp học viên hiểu được một số khái niệm cơ bản: khu vực, vùng, văn hóa, văn minh, phương pháp đa ngành, liên ngành, các giai đoạn phát triển chính của một số trường phái nghiên cứu khu vực tiêu biểu trên thế giới.

4.10.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Có phương pháp tiếp cận và những thao tác của nghiên cứu khu vực học để áp dụng vào thực tiễn, phục vụ các chương trình phát triển cũng như tổ chức các đề tài và chương trình nghiên cứu liên ngành. Học phần giúp học viên hiểu được một số khái niệm cơ bản: khu vực, vùng, văn hóa, văn minh, phương pháp đa ngành, liên ngành, các giai đoạn phát triển chính của một số trường phái nghiên cứu khu vực tiêu biểu trên thế giới.

4.10.3. Năng lực cần đạt được:

Hình thành ý thức thường xuyên cập nhật những thành quả, xu hướng nghiên cứu mới về khu vực học trên thế giới cho học viên.

4.10.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.10.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Tài liệu bắt buộc

1. Trần Lê Bảo (2008), *Khu vực học và nhập môn Việt Nam học*, Nxb Giáo dục, HN.

* Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Quốc gia Hà Nội - Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2010), “Việt Nam hội nhập và phát triển”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần ba*, tập 6, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.

2. Đại học Quốc gia Hà Nội (1996), *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, HN.

3. Vũ Minh Giang (2001), *Khu vực học với nghiên cứu Phương Đông*. Đông Phương học Việt Nam (Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc lần thứ nhất), Nxb ĐHQG HN.

4. Ngô Đức Thịnh (2004), *Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

5. Trần Ngọc Thêm (2000), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng hợp, TP HCM, TP HCM.

4.10.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.11. Học phần: Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam/ President Ho Chi Minh with the cause of national liberation of Vietnam

4.11.1. Tóm tắt nội dung học phần

Chuyên đề trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh; phân tích, đánh giá những đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên hai phương diện lí luận và thực tiễn đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam, góp phần vào việc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

4.11.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được:

Những đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên hai phương diện lí luận và thực tiễn đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam, góp phần vào việc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội

4.11.3. Năng lực cần đạt được

- Qua học tập, nghiên cứu học phần này người học hiểu sâu hơn về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của chủ tịch Hồ Chí Minh, qua đó nâng cao khả năng nghiên cứu hoặc giảng dạy phần lịch sử Việt Nam và sự nghiệp Hồ Chí Minh.

- Học viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

4.11.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.11.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* (2.000), NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

2. GS.TS. Phạm Ngọc Liên, *Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc* (2008), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Đồng, *Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, NXB Sự Thật, Hà Nội. 1990

2. Lê Mậu Hãn, *Sức mạnh của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. (2003)

3. Phạm Văn Đồng, *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. (1993)

4. *Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Sự thật, Hà Nội. (1982)

4.11.6. Hình thức thi hết học phần : Tự luận, 120 phút

4.12. Học phần: Thành phần tộc người và quan hệ tộc người Việt Nam/ The Vietnamese Ethnic groups: composition and relations

4.12.1. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho học viên các nội dung cơ bản về khái niệm tộc người, xung quanh khái niệm tộc người; các tiêu chí xác định tộc người ở Việt Nam; thành phần các dân tộc Việt Nam; sự phân bố và đặc điểm cư dân Việt Nam; đặc điểm kinh tế - văn hoá - xã hội các tộc người; mối quan hệ giữa các dân tộc trong lịch sử và hiện tại trên các phương diện ngôn ngữ, sinh hoạt văn hóa, lãnh thổ tộc người và xã hội tộc người. Trên cơ sở đó, học viên xác định được thành phần các dân tộc Việt nam và quan hệ giữa các dân tộc trong lịch sử cũng như trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ đó phát huy mối quan hệ tốt đẹp giữa các tộc người, cùng nhau xây dựng và phát triển tộc người nói riêng và đất nước nói chung trong hiện tại và tương lai.

6.12.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng tỏ những nội dung cốt lõi những đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý không gian sinh tồn các tộc người ở Việt Nam. Các thành phần tộc người ở Việt Nam cũng như nguồn gốc lịch sử. Mối quan hệ giữa các tộc người ở Việt Nam trong lịch sử cũng như trong thời kỳ hiện nay trên các phương diện ngôn ngữ, sinh hoạt văn hóa, lãnh thổ tộc người và xã hội tộc người. Vận dụng kiến thức chuyên môn vào cuộc sống hiện đại trên nguyên tắc bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp.

6.12.3. Năng lực cần đạt được

- Nhận thức khách quan về sự đa dạng của các thành phần tộc người, và mối quan hệ bình đẳng giữa các tộc người.

- Có ý thức trân trọng, gìn giữ mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa các tộc

người. Từ đó xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ hiện nay nhằm bảo vệ và phát triển đất nước.

- Học viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và có trách nhiệm gìn giữ và phát huy mối quan hệ ngày càng thắm thiết hơn giữa các dân tộc anh em.

6.12.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức: Dạy học trên lớp; kết hợp giữa cung cấp lí thuyết và thực hành, thảo luận.

- Phương pháp dạy học: thuyết trình, giao tiếp, thảo luận

6.12.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Đặng Nghiêm Vạn (1993), *Quan hệ giữa các tộc người trong một quốc gia dân tộc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

* Tài liệu tham khảo

1. Nông Quốc Chấn, Hoàng Tuấn Cư, Lò Giàng Páo (1996)(chủ biên), *Văn hóa và sự phát triển các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

2. Phan Hữu Dật (1973), *Cơ sở dân tộc học*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

3. Trần Trí Dõi (2000), *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

4. Bê Viết Đăng (1995)(chủ biên), *50 năm các dân tộc thiểu số Việt Nam (1945-1995)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

4.12.6. Hình thức thi hết học phần : Tự luận, 120 phút

4.13. Học phần: Quan hệ giữa các nước phương Tây với các nước Đông Nam Á từ thế kỷ XVI đến XIX/ The relationship between Western and Southeast Asian nations from the sixteenth century to the nineteenth century

4.13.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp một hệ thống kiến thức có hệ thống, chuyên sâu về mối quan hệ giữa các nước phương Tây với các nước Đông Nam Á từ thế kỷ XVI đến XIX trên các lĩnh vực kinh tế - văn hóa, chính trị - xã hội.

4.13.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần tập trung làm sáng về quá trình xâm nhập, ảnh hưởng của kinh tế - văn hóa, chính trị - xã hội phương Tây đến lịch sử phát triển của các nước Đông Nam Á thời kỳ cận đại sơ kỳ và cận đại muộn qua các công ty Đông Ấn và hệ thống các chính quyền thuộc địa sau này, hệ quả của mối quan hệ này.

4.13.3. Năng lực cần đạt được

- Qua học tập, nghiên cứu học phần này người học hiểu sâu hơn về lịch sử Đông Nam Á thời cận đại, qua đó nâng cao khả năng nghiên cứu hoặc giảng dạy

được phân lịch sử thế giới cận -hiện đại.

- Thái độ: Có khả năng nhận thức sâu sắc về bản chất, ưu, nhược điểm của các chế độ xã hội đã xuất hiện trong các thời kì lịch sử

- Học viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

4.13.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phân kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.13.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Hoàng Anh Tuấn (2015), Thương mại thế giới và hội nhập của Việt Nam thế kỷ XVI – XVIII, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.

2. Lê Thanh Thủy (2016), Công ty Đông Án Anh ở Đông Nam Á, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

1. D.G.E Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 1997

2. Lương Ninh (cb), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục, H, 2005

3. Trần Khánh (cb). *Lịch sử Đông Nam Á (tập 4)*, Nxb Khoa học xã hội, H, 2012

4. Nguyễn Văn Hồng, *Mấy vấn đề lịch sử châu Á và lịch sử Việt Nam - Một cách nhìn*, Nxb Văn hóa Dân tộc, H, 2001

4.13.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.14. Học phần: *Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời cổ trung đại/ Vietnam's socio- economic structure in the Medieval and Middle Ages*

4.14.1. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện về cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam qua các thời kì: công xã nguyên thủy, dựng nước, Bắc thuộc đến thời phong kiến; chỉ ra tác động của những điều kiện tự nhiên, của các nhân tố lịch sử, chính trị, văn hóa tới cơ cấu kinh tế - xã hội; đặc điểm và xu thế phát triển của cơ cấu kinh tế - xã hội trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam.

4.14.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Mô hình và đặc điểm phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử: Thời kỳ nguyên thủy; thời kỳ dựng nước; thời kỳ Bắc thuộc;

các triều đại phong kiến độc lập; thời kỳ thuộc Pháp và thời kỳ hiện đại.

4.14.3. Năng lực cần đạt được

- Đánh giá được mặt tích cực và hạn chế của các mô hình kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam để rút ra được bài học kinh nghiệm và vận dụng trong thực tiễn;

- Học viên nắm bắt được quy luật phát triển của xã hội loài người và biết vận dụng những kiến thức đã học vào công cuộc Đổi mới đất nước hiện nay.

4.14.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học:

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.14.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Nguyễn Quang Ngọc (1998), *Cơ cấu xã hội trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội

* Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Lê, *Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam*, trong: *Tìm về cội nguồn*, Tập 1, Nxb Thế giới, in lần thứ 2, H. 1999.

2. Trương Hữu Quỳnh: *Quá trình nảy sinh và xác lập của chế độ phong kiến ở Việt Nam*, Nghiên cứu lịch sử, số 4 – 1981.

4.14.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.15. Học phần: Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước Âu - Mỹ từ năm 1897 đến năm 1945/ Trade relations between Vietnam and European-American nations in the period of 1897 to 1945

4.15.1. Tóm tắt nội dung học phần

Dưới thời Pháp thuộc (nhất là giai đoạn 1897 – 1945), quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước Âu, Mỹ ngày càng có vị trí quan trọng trong toàn bộ guồng máy kinh tế Đông Dương; đồng thời ảnh hưởng không nhỏ đến diện mạo, tính chất, đặc điểm nền kinh tế cũng như cơ cấu giai cấp và đời sống xã hội. Nghiên cứu quan hệ thương mại Việt Nam – các nước Âu, Mỹ thời cận đại góp phần làm rõ lịch sử dân tộc, lịch sử kinh tế thương mại đương thời; đồng thời nhận diện đúng bản chất và đánh giá khách quan tác động của yếu tố kinh tế tư bản chủ nghĩa cũng như công cuộc thực dân hóa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Nghiên cứu chuyên đề cũng gợi mở nhiều vấn đề về sự phát triển, đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

4.15.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

-Những nhân tố tác động đến quan hệ thương mại giữa Việt Nam và với các nước Âu, Mỹ từ năm 1897 đến năm 1945

-Diễn trình hoạt động giao thương giữa Việt Nam với một số đối tác thương mại Âu, Mỹ chủ yếu (Pháp, Anh, Hoa Kỳ...)

-Đặc điểm, hệ quả của mối quan hệ giao thương này đối với kinh tế, xã hội Việt Nam thời cận đại

4.15.3. Năng lực cần đạt được

-Thuyết trình, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm

-Phân tích, đánh giá sự kiện, vấn đề lịch sử

4.15.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học:

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.15.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo:

* Giáo trình chính

1. Aumipin J-P. (1994), *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1859 – 1839)* (bản dịch của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam), Nxb Hội khoa học lịch sử Việt Nam, Hà Nội

2. Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý (2010), *Giáo trình lịch sử kinh tế*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

* Tài liệu tham khảo

1. Lê Huỳnh Hoa (2003), *Cảng Sài Gòn và biến đổi kinh tế Nam Kỳ thời thuộc Pháp (giai đoạn 1860 – 1939)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, TP. Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Văn Khánh (2004), *Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 – 1945)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

3. Đặng Phong (2002), *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945 – 2000*, tập 1: 1945 – 1954), Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Vũ Huy Phúc (1996), *Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam 1858 – 1945*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Lê Quốc Sử (1998), *Một số vấn đề về lịch sử kinh tế Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia.

6. Bùi Thị Tân, Vũ Huy Phúc (1998), *Kinh tế thủ công nghiệp và phát triển công nghệ Việt Nam dưới triều Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

4.15.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.16. Học phần: Một số vấn đề về đô thị và đô thị hóa trong lịch sử Việt Nam/ Critical issues in urban and urbanization in Vietnamese history

4.16.1. Tóm tắt nội dung học phần

- Lý giải những kiến thức cơ bản, toàn diện về khái niệm, lịch sử đô thị và đô thị hoá của các nước trên thế giới; quá trình hình thành và phát triển của các đô thị trong lịch sử Việt Nam; những đặc trưng, đặc điểm về diện mạo đô thị, kết cấu kinh tế - xã hội, đời sống văn hoá các đô thị Việt Nam; vấn đề đô thị và đô thị hoá trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

- Trên cơ sở khái quát lịch sử hình thành đô thị trên thế giới, học phần tập trung làm rõ tiến trình của đô thị cổ và đô thị cận hiện đại Việt Nam. So sánh đặc trưng của đô thị và quá trình đô thị hóa ở Việt Nam.

- Chuyên sâu về một số đô thị tiêu biểu ở Việt Nam: Thăng Long, Phố Hiến, Hội An... với các đặc điểm về diện mạo đô thị, kết cấu cư dân, các hoạt động kinh tế, đời sống văn hóa tâm linh.

4.16.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần làm sáng tỏ khái niệm, lịch sử đô thị và đô thị hoá của các nước trên thế giới; quá trình hình thành và phát triển của các đô thị trong lịch sử Việt Nam; những đặc trưng, đặc điểm về diện mạo đô thị, kết cấu kinh tế - xã hội, đời sống văn hoá các đô thị Việt Nam; vấn đề đô thị và đô thị hoá trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

4.16.3. Năng lực cần đạt được

Học viên biết trân trọng giá trị văn hóa (di sản đô thị cổ) của dân tộc và vận dụng những kiến thức đã học vào công cuộc Đổi mới đất nước hiện nay.

4.16.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức: Dạy học trên lớp; kết hợp giữa cung cấp lí thuyết và thực hành, thảo luận.

- Phương pháp dạy học: thuyết trình, giao tiếp, thảo luận.

4.16.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận Quảng (Hội An- Thanh Hà- Nước mặn) thế kỷ XVII- XVIII*, NXB Thuận Hóa, Hà Nội 1996.

2. Nguyễn Thừa Hỷ- Đỗ Bang- Nguyễn Văn Đăng, *Đô thị Việt Nam dưới thời Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1999.

3. Trần Hùng- Nguyễn Quốc Thông, *Thăng Long- Hà Nội, mười thế kỷ đô thị hóa*, Hà Nội, 1995.

4. Nguyễn Thừa Hỷ, *Thăng Long- Hà Nội thế kỷ XVII- XVIII- XIX*, Hội Sử học Việt Nam, H, 1983.

5. Đỗ Văn Ninh, *Thành cổ Việt Nam*, Nxb KHXH, H, 1983.

6. Ủy ban KHXH Việt Nam- Viện Sử học Việt Nam, *Đô thị cổ Việt Nam*, Nxb KHXH, H, 1989.

* Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thừa Hỷ, Đỗ Bang, Nguyễn Văn Đăn, *Đô thị Việt Nam dưới thời Nguyễn*, NXB Thuận Hoá, 2000.

2. Phan Đại Doãn, Vũ Hồng Quân, *Thị tứ - Hiện tượng đô thị hóa (Qua tư liệu tỉnh Bình Định)*, NCLS, số 4 (263), 1992.

3. *Đô thị cổ Hội An - Kỹ yếu hội thảo*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1990.

4. Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Thuận Hoá, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, H, 1996.

4.16.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận, 120-150 phút

4.17. Học phần: Triều Nguyễn trong lịch sử dân tộc/ Nguyen Dynasty in Vietnamese history

4.17.1. Tóm tắt nội dung học phần

Triều Nguyễn thành lập và tồn tại trong bối cảnh lịch sử vô cùng phức tạp (chế độ suy tàn, thực dân phương Tây tấn công ráo riết...). Mặc dù khá lúng túng và không ít sai lầm khi giải quyết mối quan hệ giữa triều đại và thời đại, giữa lợi ích dân tộc và lợi ích dòng tộc, vương triều Việt Nam cuối cùng đã có đóng góp không thể phủ nhận đối với sự phát triển chung của quốc gia. Trên tinh thần cập nhật thành tựu nghiên cứu mới trong khoảng 3 thập kỷ gần đây, chuyên đề làm rõ vai trò của triều Nguyễn trong công cuộc dựng nước; mặt tích cực cũng như mặt hạn chế của triều đại này trong việc giải quyết những yêu cầu của lịch sử nước nhà thời cận đại.

4.17.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Lịch sử hình thành và phát triển của triều Nguyễn
- Đóng góp và hạn chế của triều đại phong kiến Việt Nam cuối cùng trong thời gian trị vì
- Quan điểm của giới sử học trong và ngoài nước về vai trò của triều Nguyễn trong công cuộc dựng nước; mặt tích cực cũng như mặt hạn chế của triều đại này trong việc giải quyết những yêu cầu của lịch sử nước nhà thời cận đại

4.17.3. Năng lực cần đạt được

- Học viên có kỹ năng hệ thống hoá kiến thức lịch sử; đánh giá, phân tích sự kiện lịch sử ...
- Học viên nhìn nhận, đánh giá khách quan về “công”, “tội” của triều đại nhà Nguyễn và một số nhân vật tiêu biểu

4.17.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.17.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Đinh Xuân Lâm (CB) (2012), *Lịch sử Việt Nam*, Tập III, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

2. Kỹ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (2002), *Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử thời Nguyễn ở Đại học và Cao đẳng Sư phạm*, Trường ĐHSPT Hà Nội.

3. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (2008), *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Bang (CB) (1997), *Tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

2. Đỗ Bang (2014), *Triều Nguyễn với công cuộc bảo vệ biển đảo tổ quốc thế kỷ XIX*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

3. Lê Quang Chấn (2015), *Chính sách xã hội triều Nguyễn (giai đoạn 1802 – 1884)*, LATS Sử học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

4. Phan Đại Doãn (và các tác giả khác) (1998), *Một số vấn đề quan chế triều Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

4.17.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận, 120 phút

4.18. Học phần: Lịch sử chống ngoại xâm và những vấn đề về nghệ thuật quân sự Việt Nam/ History of anti-invasion and major issues of the Vietnamese Military Art

4.18.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp những kiến thức về lịch sử chống ngoại xâm trong thời kì cổ trung đại. Nội dung của lịch sử giữ nước, mối liên quan giữa lịch sử giữ nước và dựng nước của dân tộc Việt Nam trong suốt quá trình lịch sử. Từ đó có những hiểu biết cụ thể về những đặc điểm có tính quy luật trong khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam

4.18.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Phân tích những vấn đề cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam, nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm.

- Nguồn gốc sâu xa sức mạnh cử dân tộc Việt Nam và chỉ đạo tài tình đã làm nên những thắng lợi vĩ đại trong lịch sử dân tộc.

4.18.3. *Năng lực cần đạt được*

Từ kiến thức môn học, học viên rút ra những kinh nghiệm và bài học lịch sử cho sự nghiệp bảo vệ đất nước hiện nay.

4.18.4. *Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học*

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.18.5. *Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo*

* Giáo trình chính

1. Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt, lịch sử ngoại giao tôn giáo triều Lý*, Nxb Quân đội nhân dân, H, 2003.

2. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, *Tim hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, Nxb Quân đội nhân dân, H, 2003.

3. Phan Huy Lê (cb), *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, Nxb Quân đội nhân dân, H, 2004.

* Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn, *Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)*, Nxb Quân đội nhân dân, H, 2005.

2. *Lịch sử kháng chiến chống Pháp* (2 tập), Nxb Quân đội nhân dân, H, 1993 – 1995.

3. Hoàng Minh, *Tìm hiểu tổ tiên ta đánh giặc*, Nxb Quân đội nhân dân, H, 1977.

4. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, Nxb Quân đội nhân dân, H, 2003.

5. Viện Lịch sử Quân sự, *Nghệ thuật quân sự Việt Nam cổ trung đại*, 2 tập, H, 1985, 1989.

4.18.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận, 120 phút

4.19. Học phần: Xu hướng duy tân đất nước ở Việt Nam - The Reformist Tendencies in Vietnamese history

4.19.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

- Chuyên đề trang bị cho học viên lý luận cơ bản và nội hàm khái niệm cải cách, canh tân, duy tân và đổi mới.

- Những kiến thức chuyên sâu và hệ thống về vấn đề canh tân trong lịch sử Việt Nam qua các giai đoạn:

+ Từ cải cách họ Khúc đến nửa đầu thế kỷ XIX với các cuộc cải cách tiêu biểu của họ Khúc, Lý Công Uẩn, Trần Thủ Độ, Lê Thánh Tông, Minh Mạng ;

+ Xu hướng canh tân nửa cuối thế kỷ XIX tiêu biểu là Nguyễn Trường Tộ;

+ Xu hướng duy tân đầu thế kỷ XX, tiêu biểu là Phan Chu Trinh;

+ Công cuộc đổi mới đất nước do Đảng cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ năm 1986 đến nay.

4.19.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Học phần làm sáng tỏ khái niệm về cải cách, duy tân, canh tân, cải tổ, đổi mới để từ đó lý giải nội hàm các xu hướng canh tân trong lịch sử Việt Nam. Trên cơ sở khái lược các cuộc cải cách ở Việt Nam từ cải cách họ Khúc đến cải cách Minh Mạng, chuyên đề tập trung phân tích, đánh giá xu hướng canh tân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và công cuộc Đổi mới đất nước (từ 1986 đến nay).

4.19.3. *Năng lực cần đạt được*

Từ kiến thức môn học, học viên có khả năng đúc kết bài học lịch sử và so sánh, vận dụng trong công cuộc Đổi mới hiện nay.

4.19.4. *Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học*

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực

và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.19.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo:

* Giáo trình chính

1. Trương Bá Cần (1988), *Nguyễn Trường Tộ- Con người và di thảo*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trần Bá Đệ, Nguyễn Trọng Văn.(2002), *Một số chuyên đề Lịch sử Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Hoàng Văn Lân, Đỗ Bang, Nguyễn Trọng Văn. (1999), *Tư tưởng canh tân dưới Triều Nguyễn*. NXB Thuận Hóa, Huế.

*Tài liệu tham khảo

1. Thế Văn, Quang Khải (1999), *Bùi Viện với sự nghiệp canh tân đất nước thế kỷ XIX*. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

2. Tsuboi Yoshiharu (1993), *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*. Hội Sử học Việt Nam xuất bản.

3. Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2007), *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Nam á giữa thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

4. *Phan Bội Châu toàn tập (2001-2002)*, NXB Thuận Hóa và Trung tâm nghiên cứu văn hóa ĐôngTây

4.19.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận, 120 phút

4.20. Học phần: Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử Việt Nam / Thanh Hoa in Vietnamese history

4.20.1. Tóm tắt nội dung học phần

HP cung cấp cho HV những nội dung cơ bản về những bước phát triển của Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử từ thời tiền sử- sơ sử đến nay, từ đó rút ra những đóng góp nổi bật, những truyền thống tiêu biểu của xứ Thanh:

- Truyền thống yêu nước, bất khuất, chống xâm lược
- Truyền thống cần cù, sáng tạo
- Truyền thống hiếu học khoa bảng
- Truyền thống văn hóa đặc sắc

Trong bối cảnh hiện nay, những giá trị truyền thống đó đang được phát huy, góp phần đưa Thanh Hóa trở thành một tỉnh kiêu mẫu, tỉnh phát triển khá của cả nước

4.20.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

HV hiểu, trình bày được một cách hệ thống những bước đi, những đóng góp quan trọng của Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc từ thời kỳ sơ sử, tiền sử đến hiện nay. Từ đó HV có cơ sở chọn lựa các đề tài nghiên cứu lịch sử địa phương (Thanh Hóa), trước hết là luận văn tốt nghiệp

4.20.3. Năng lực cần đạt được

- Biết phân tích, đánh giá, so sánh vị trí, vai trò của Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc

- Có năng lực sưu tầm, phân loại và chọn lọc tư liệu lịch sử; đánh giá các nhân vật lịch sử

- Quán triệt sâu sắc phương pháp luận sử học trong tư tưởng Hồ Chí Minh vào học tập, nghiên cứu lịch sử.;

- Rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật các sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, PPNC khu vực học..

4.20.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.20.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo:

* Giáo trình chính

1. Tỉnh ủy-HĐND-UBND tỉnh Thanh Hóa (2000), *Địa chí Thanh Hóa, Tập 1- Địa lý và Lịch sử*, NXB Văn hóa Thông tin, HN.

2. Ban NC&BS Lịch sử Thanh Hóa, *Lịch sử Thanh Hóa, Tập*

* Tài liệu tham khảo

1. Tỉnh ủy-HĐND-UBND tỉnh Thanh Hóa (2000), *Địa chí Thanh Hóa, Tập 2-Văn hóa*, NXB Văn hóa Thông tin, HN.

2. Tỉnh ủy-HĐND-UBND tỉnh Thanh Hóa (2000), *Địa chí Thanh Hóa, Tập 3-Kinh tế*, NXB Văn hóa Thông tin, HN.

3. Charles Robequain (2012), *Tỉnh Thanh Hóa*, NXB Thanh Hóa , 2012

4.20.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.21. Học phần: Xã hội Việt Nam thế kỉ XVII - XVIII - Vietnamese society in the seventeenth century and eighteenth century

4.21.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức phản ánh sự biến đổi của bức tranh kinh tế Việt Nam: sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa, quá trình chuyển biến của nông thôn và đô thị, khủng hoảng ruộng đất và nông nghiệp ở Đàng Ngoài, công cuộc khẩn hoang và hòa nhập cư dân ở Đàng Trong. Trên phương diện chính trị xã hội Đại Việt lâm vào tình trạng khủng hoảng của thể chế phong kiến nhà nước quan liêu. Đối với lĩnh vực văn hóa, đây là thời diễn ra nhiều biến động và mâu thuẫn, sự suy sụp của hệ tư tưởng chính thống và những biến chứng, ảnh hưởng của nó trong lối sống, văn học nghệ thuật.

4.21.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Nội dung môn học nhằm giúp người học nhận thức rõ hơn về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá Việt Nam trong thế kỷ XVII - XVIII, về đặc điểm, các khuynh hướng phát triển, qua đó nhận thức rõ hơn vai trò, vị trí của thời kỳ này trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

4.21.3. Năng lực cần đạt được

- Học viên có kỹ năng hệ thống hoá kiến thức lịch sử; đánh giá, phân tích sự kiện lịch sử Việt Nam TK XVII-XVIII

- Học viên phân tích, đánh giá về kinh tế, xã hội của Việt Nam trong giai đoạn này.

4.21.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.21.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo:

* Giáo trình chính

1. Yu Insun, *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, H., 1994.

* Tài liệu tham khảo

1. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam, tập 1: Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, H., 2006

2. Trần Thị Vinh, *Thế chế chính quyền Nhà nước Lê - Trịnh: sản phẩm đặc biệt của lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*, Nghiên cứu lịch sử, số 1 (332), 2004

3. Trần Thị Vinh, *Thế chế chính quyền ở Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn (thế kỷ XVI - XVIII)*, Nghiên cứu lịch sử, số 10 (341), 2004

4.21.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.22. Học phần: Một số vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam từ năm 1986 đến nay - *The economic and social issues of Vietnam from 1986 to present*

4.22.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến các vấn đề: tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam trước đổi mới; đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam; quá trình đổi mới và thành tựu của công cuộc đổi mới. Từ lát cắt của các vấn đề biến đổi cơ cấu kinh tế xã hội có thể thấy rõ hơn diện mạo lịch sử của một dân tộc, một xã hội ở một thời điểm cụ thể nào đó. Vì thế tìm hiểu về một số vấn đề kinh tế xã hội (chủ yếu là biến đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội) ở Việt Nam từ 1986 đến nay cho thấy rõ hơn bối cảnh lịch sử, tiến trình biến đổi, thành tựu và cả những hạn chế trong công cuộc thực hiện đổi mới ở Việt Nam trong vài chục thập kỷ cuối thế kỷ trước.

4.22.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam trước đổi mới; đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam; quá trình đổi mới và thành tựu của công cuộc đổi mới.

4.22.3. Năng lực cần đạt được

- Đánh giá được mặt tích cực và hạn chế của các mô hình kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam để rút ra được bài học kinh nghiệm và vận dụng trong thực tiễn.

- Học viên nắm bắt được quy luật phát triển của xã hội loài người và biết vận

dụng những kiến thức đã học vào công cuộc Đổi mới đất nước hiện nay.

4.22.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.22.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Nguyễn Quang Ngọc (1998), *Cơ cấu xã hội trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội.

2. Lê Mậu Hãn (2001) *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập III*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Sinh Cúc (1995), *Nông nghiệp Việt Nam 1994-1995*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX*, Nxb CTQG, Hà Nội.

3. Lê Mạnh Hùng (1996), *Kinh tế xã hội Việt Nam, thực trạng, xu thế, giải pháp*, NXB Thống kê, Hà Nội.

4. Tổng cục thống kê, Vụ tổng hợp và Thông tin (2000), *Số liệu kinh tế xã hội Việt Nam 1975-2000*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

5. Trần Hoàng Kim, *Kinh tế Việt Nam, chặng đường 1945-1995, và triển vọng đến năm 2000*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

6. Nguyễn Văn Tiêm (2003), *Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

7. Trương Thị Tiên (1999), *Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam 1975-2000*, Nxb CTQG, Hà Nội.

4.22.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.23. Học phần: Các đảng phái chính trị Việt Nam trước năm 1945 - *The Political Parties in Vietnam before 1945*

4.23.1. Tóm tắt nội dung học phần

Các đảng phái chính trị ở Việt Nam thời cận đại là một trong những nội dung quan trọng của Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945. Sự xuất hiện, hoạt động cũng như chiều hướng phát triển của các tổ chức, đảng phái không chỉ phản chiếu quá trình vận động của các xu hướng, khuynh hướng chính trị trong lịch sử cận đại Việt Nam mà còn phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt nhằm giải quyết những mâu thuẫn cơ bản, thực hiện những nhiệm vụ chủ chốt của cách mạng Việt Nam thời Pháp thuộc. Trước hết, học phần giới thuyết về bối cảnh lịch sử, điều kiện ra đời và hoạt động của các tổ chức, đảng phái, khuynh hướng chính trị ở Việt Nam qua hai giai đoạn lịch sử của thời cận đại (đầu thế kỷ XX đến 1930 và 1930 - 1945). Trên cơ sở đó, học phần làm rõ đặc điểm, bản chất, vai trò và vị trí lịch sử

của các tổ chức, đảng phái, khuynh hướng chính trị ở Việt Nam thời kỳ này.

4.23.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Bối cảnh lịch sử và yêu cầu khách quan của việc thành lập các tổ chức, đảng phái chính trị ở Việt Nam thời cận đại.

- Sự xuất hiện và hoạt động của các tổ chức, đảng phái chính trị ở Việt Nam (đầu thế kỷ XX đến 1930).

- Các khuynh hướng và đảng phái chính trị ở Việt Nam trong những năm 1930 - 1945.

- Đặc điểm, bản chất, vai trò và vị trí lịch sử của các tổ chức, đảng phái, khuynh hướng chính trị ở Việt Nam thời cận đại

4.23.3. Năng lực cần đạt được

- Học viên có kỹ năng hệ thống hoá kiến thức lịch sử; đánh giá, phân tích sự kiện lịch sử ...

- Học viên tự hào với truyền thống đấu tranh của nhân dân ta trong thời kỳ chống thực dân Pháp giành độc lập; nhận diện đúng các đảng phái chính trị ở Việt Nam thời kỳ này.

4.23.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.23.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Đinh Trần Dương (2006), *Tân Việt cách mạng đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, Tập 1, Nxb khoa học Xã hội, Hà Nội.

3. Trần Văn Giàu (1975), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, Tập 2, Nxb khoa học Xã hội, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Cơ (2007), *Phong trào dân tộc trong đấu tranh chống Pháp ở Việt Nam từ 1885 – 1919*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Trần Văn Giàu (2003), *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Quyển 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

3. Trần Văn Giàu (2003), *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Quyển 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

4.23.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.24. Học phần: Một số vấn đề về giai cấp nông dân Việt Nam thời kì hiện đại - *The issues of Vietnamese farmers' class in modern time*

4.24.1. Tóm tắt nội dung học phần

Chuyên đề giới thiệu những nét tổng quát về lịch sử giai cấp nông dân Việt Nam từ 1945 đến 2005; những đánh giá của giới nghiên cứu về đặc điểm, vị trí, vai trò của giai cấp nông dân Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là chuyển biến của giai cấp nông dân Việt Nam thời kỳ đổi mới; những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu dưới góc độ khoa học lịch sử.

4.24.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Trang bị cho học viên phương pháp và kiến thức cơ bản để nghiên cứu vấn đề nông dân Việt Nam thời kỳ hiện đại, đặc biệt là những chuyển biến của giai cấp nông dân Việt Nam từ cuối thập niên 80, thế kỷ XX trở lại đây, khi Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở đó, có thể gợi mở cho học viên những hướng nghiên cứu mới nhằm góp phần phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

4.24.3. Năng lực cần đạt được

Học viên nắm rõ và lý giải được nhiều nội dung, vấn đề của lịch sử; hiểu biết sâu sắc hơn về giai cấp nông dân; đồng thời là cơ sở khoa học góp phần giải quyết những vấn đề về ruộng đất, nông dân, nông nghiệp hiện nay.

4.24.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.24.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội nông dân Việt Nam 1930-1995* (1998), Nxb CTQG, Hà Nội.

2. Minh Tranh (1961), *Một số ý kiến về nông dân Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

1. Trương Thị Tiên (1999), *Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội.

2. Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Thống kê, Hà Nội

3. Chủ Văn Lâm (1992), *Hợp tác hoá nông nghiệp Việt Nam: Lịch sử, vấn đề, triển vọng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

4. Lâm Quang Huyền (1985), *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội.

7. Đặng Phong (2002), *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-1954*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

8. Nguyễn Kiến Giang (1959), *Phác qua tình hình ruộng đất và đời sống của nông dân trước Cách Mạng tháng Tám*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

9. Viện Sử học (1990), *Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại*, Nxb KHXH,

Hà Nội.

10. Nguyễn Văn Tiêm, (1993), *Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

4.24.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận, 120 phút

4.25. Học phần: Hồ Chí Minh với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Ho Chi Minh with the formation of the Communist Party of Vietnam

4.25.1. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học phân tích những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, làm rõ những yếu tố dẫn tới sự hình thành Đảng và mối quan hệ giữa các yếu tố đó, giải thích rõ sự ra đời của Đảng vừa có nét chung như các đảng cộng sản trên thế giới, vừa có nét đặc thù; khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam sục sôi trong những năm 20 của thế kỷ XX. Đó không chỉ là đảng của giai cấp công nhân, mà còn là đảng của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

4.15.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Giúp học viên hiểu được những yếu tố ra đời của Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa, sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc chuẩn bị lý luận và tổ chức Đảng, Cương lĩnh chính trị, sáng tạo của người. Học phần này còn góp phần giúp cho học viên vận dụng phương pháp biện chứng về phương pháp nghiên cứu lịch sử.

4.25.3. Năng lực cần đạt được:

- Qua học tập, nghiên cứu học phần này người học hiểu sâu hơn về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Học viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

4.25.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.
- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.25.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb Chính trị quốc gia, HN.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng trong*

các trường đại học, cao đẳng), Nxb Chính trị quốc gia, HN.

* Tài liệu tham khảo

1. Lê Duẩn (1977), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng...*, Nxb ST, HN.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, HN.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, HN.

4 Lê Mậu Hãn (2005), *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, HN.

5. Vũ Quang Hiến, *Những điều kiện hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tạp chí Khoa giáo, số 5-2006.

8. Hồ chí Minh (2000), *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng*, Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, HN.

4.25.6. *Hình thức thi hết học phần*: TỰ LUẬN, 120 phút

4.26. Học phần: Một số vấn đề về nông dân và phong trào nông dân trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam - The issues of Vietnamese farmers and their movements in the Medieval and Middles Age history

4.26.1. Tóm tắt nội dung học phần

Bối cảnh lịch sử, vị trí, vai trò và đặc điểm của nông dân Việt Nam; phong trào nông dân trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam (nguyên nhân, diễn biến, tính chất, đặc điểm; một số phong trào tiêu biểu); tác động của phong trào nông dân tới quá trình phát triển và đặc điểm của lịch sử Việt Nam.

4.26.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Nội dung chuyên đề cung cấp những kiến thức cơ bản về vấn đề nông dân và phong trào nông dân trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam; giúp người học nhận thức rõ các tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội tới vị trí, đặc điểm của nông dân và phong trào nông dân trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại; nguyên nhân, tính chất, tác động xã hội của các phong trào nông dân trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam.

4.26.3. Năng lực cần đạt được

Học viên có kỹ năng hệ thống hoá kiến thức lịch sử; đánh giá, phân tích sự kiện lịch sử.

4.26.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.26.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Trương Hữu Quỳnh (1965), *Những đặc điểm của phong trào nông dân Việt Nam*, Nghiên cứu lịch sử, số 71.

2. Minh Tranh (1955), *Phong trào nông dân trong lịch sử xã hội phong kiến nước ta*, Văn Sử Địa, số 4.

* Tài liệu tham khảo

3. Phan Đại Doãn (2001), *Làng Việt Nam: Một số vấn đề kinh tế - văn hoá - xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, HN.

4. Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc (1994), *Kinh nghiệm tổ chức và quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, HN.

5. Nguyễn Kiên Giang (1959), *Phác qua tình hình ruộng đất và đời sống của nông dân trước Cách mạng tháng Tám*, Nxb Sự thật, HN.

6. Gourou.P (2003), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Vũ Văn Quân, *Về nguyên nhân bùng nổ của phong trào nông dân nửa đầu thế kỷ XIX*, Nghiên cứu Lịch sử, số 6-1998.

8. Viện Sử học (1977-1978), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử (2 tập)*, Nxb Khoa học xã hội, H.

9. Hoàng Lượng (1998), *Điểm lại một số ý kiến về phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX*, Nghiên cứu lịch sử, số 6 (301).

10. Duy Minh, *Thử tìm hiểu đặc điểm phong trào nông dân trong lịch sử Việt Nam*,

Nghiên cứu lịch sử, số 78, 1965.

4.26.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.27. Học phần: Lịch sử các vấn đề tôn giáo ở Việt Nam - Critical issues in Vietnamese Religious history

4.27.1. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu của tôn giáo học, vận dụng cụ thể vào việc nghiên cứu những nét lớn của lịch sử 6 tôn giáo chính ở Việt Nam thời cận - hiện đại. Nghiên cứu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc hình thành những tư tưởng, chính sách đổi mới về tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta trước và sau năm 1990. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề cơ bản của đời sống tôn giáo ở Việt Nam nói chung, nói riêng từng tôn giáo. Từ đó rút ra một số vấn đề cơ bản có tính phương pháp luận.

4.27.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tôn giáo và các tôn giáo ở Việt với những nét cơ bản: khái niệm cơ bản, nguồn gốc của tôn giáo, các hình thức, vai trò, xu thế phát triển tôn giáo; cơ sở hình thành, giáo Lịch sử, giáo luật, quá trình phát triển và vai trò của các tôn giáo lớn trong lịch sử... Từ đó, nhận thức rõ tôn giáo là một hiện tượng lịch sử có quá trình hình thành, phát triển gắn với bối cảnh lịch sử.

4.27.3. Năng lực cần đạt được

Học viên hình thành năng lực phân tích đánh giá các hiện tượng tôn giáo theo quan điểm khoa học; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề hiện tại...

4.27.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.27.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Mai Thanh Hải, *Tôn giáo thế giới và Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, 2000

2. Đặng Nghiêm Vạn (Cb), *Những vấn đề Lịch sử luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*, NXB KHXH, 1998.

* Tài liệu tham khảo

1. Nhiều tác giả, *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, Trung tâm KHXH, 1992

2. Nhiều tác giả, *Về tôn giáo*, NXB KHXH, 1994

3. Nhiều tác giả, *Những vấn đề tôn giáo hiện nay*, NXB KHXH, 1998

4. Nhiều tác giả, *Tôn giáo lý luận xưa và nay*, NXB Tổng hợp, TP. HCM, 2005

5. Tổng cục chính trị QG, *Một số hiểu biết về tôn giáo*, NXB Quân đội, HN, 1998

4.27.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.28. Học phần: *Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam - Research on Vietnamese land-tenure policy in the Medieval and Middle Ages history*

4.28.1. Tóm tắt nội dung học phần

Trong xã hội tiền tư bản, ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu. Nghiên cứu vấn đề ruộng đất sẽ góp phần giải quyết hai vấn đề: Kinh tế nông nghiệp trong quá trình lịch sử và các quan hệ xã hội đằng sau các quan hệ ruộng đất. Việt Nam là một nước nông nghiệp, ruộng đất là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với nền kinh tế và toàn xã hội. Nghiên cứu sự biến đổi của các quan hệ ruộng đất trong lịch sử có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc. Dưới góc độ của khoa học lịch sử, Chế độ ruộng đất trong lịch sử Cổ trung đại Việt Nam sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện về chính sách ruộng đất của các chính quyền Nhà nước và tình hình ruộng đất ở Việt Nam từ thời dựng nước đến trước khi Thực dân Pháp xâm lược.

4.28.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản, toàn diện về chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ và trung đại Việt Nam. Thông qua đó, người học hiểu được tiến trình phát triển của các quan hệ ruộng đất trong lịch sử, và cùng với đó là chính sách của các nhà nước đối với vấn đề ruộng đất.

4.28.3. Năng lực cần đạt được

Học viên nắm rõ và lý giải được nhiều nội dung, vấn đề của lịch sử; hiểu biết sâu

sắc hơn về diễn tiến của các hình thái kinh tế - xã hội; đồng thời là cơ sở khoa học góp phần giải quyết những vấn đề về ruộng đất, nông dân, nông nghiệp hiện nay.

4.28.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.28.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Trương Hữu Quýnh, *Chế độ ruộng đất Việt Nam thế kỷ XI - XVIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

2. Trương Hữu Quýnh, Đỗ Bang, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Nguyễn Quang Trung Tiến, *Tình hình ruộng đất và đời sống nông dân dưới thời Nguyễn*, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1997.

* Tài liệu tham khảo

1. Vũ Huy Phúc, *Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979.

2. Phan Đại Doãn, *Về tính chất sở hữu ruộng đất công làng xã*, Nghiên cứu lịch sử, số 199, 1981.

3. Nguyễn Đình Đầu, *Thử tìm hiểu đất nước Việt Nam qua 10.044 tập địa bạ*, Tạp chí Khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội, số 4, 1988.

4. Nguyễn Đình Đầu, *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*, Hà Nội, 1992.

5. Nguyễn Kiên Giang, *Phác qua tình hình ruộng đất và đời sống nông dân trước Cách mạng tháng Tám*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1961.

6. Vũ Minh Giang, *Sự phát triển của các hình thức sở hữu ruộng đất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Tạp chí khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội, số 3.1988.

4.28.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.29. Học phần: Việt Nam thế kỷ XIX: một số vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội và tư tưởng văn hóa - Vietnamese society in the nineteenth century in regard to political, economic, social, spiritual and cultural issues

4.29.1. Tóm tắt nội dung học phần

Chuyên đề trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản của lịch sử Việt Nam thế kỷ XIX: Sự ra đời của triều Nguyễn trong thời kỳ từ 1802 đến 1884 và cuộc đấu tranh chống cuộc xâm lược của thực dân Pháp 1858 đến 1884 và phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX (1885-1897). Từ đó, thấy rõ công cuộc dựng nước và giữ nước dưới triều Nguyễn; phân tích trách nhiệm của triều Nguyễn để nước ta rơi vào tay Pháp.

Thông qua các vấn đề trên, học viên nắm được hoạt động của nhà nước dưới triều Nguyễn trong suốt một thế kỷ đầy khó khăn và thách thức của dân tộc.

4.29.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Nắm vững những vấn đề cơ bản dưới triều Nguyễn gần một thế kỷ về các vấn đề dựng nước, giữ nước; thành tựu và hạn chế về kinh tế- xã hội, tư tưởng văn hóa

4.29.3. Năng lực cần đạt được

- Học viên có kỹ năng hệ thống hoá kiến thức lịch sử; đánh giá, phân tích sự kiện lịch sử .

- Học viên phân tích, đánh giá về kinh tế, xã hội của Việt Nam gần một thế kỷ, điểm mạnh, điểm yếu. Chuyên đề giúp học viên nắm được về tư tưởng văn hóa của Việt Nam ở thế kỷ XIX.

4.29.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

- Lý thuyết, bài tập: 18 tiết
- Kiểm tra thường xuyên: 02 tiết
- Thực hành: 24 tiết
- Kiểm tra giữa kỳ (tiểu luận):
- Thảo luận: 12 tiết
- Tự học: 90 tiết

4.29.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Lịch sử nhà Nguyễn một cách tiếp cận mới (2005), Nxb Đại học Sư phạm
2. Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2008.

* Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Bang (chủ biên), *Tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1997.
2. *Đại Nam thực lục tiền biên và chính biên*, (nguyên bản chữ Hán, lưu giữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm, bản dịch 38 tập), Nxb Sử học và Khoa học xã hội, Hà Nội 1962-1978
3. *Đại Nam liệt truyện tiền biên, chính biên, sơ tập và nhị tập* (nguyên bản chữ Hán, lưu giữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm, bản dịch 4 tập), Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993.
4. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb Đông Tháp, 1998.

4.29.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.30. Học phần: *Sự lựa chọn con đường cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX/ In search of national salvation in Vietnam in the early twentieth century*

4.30.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nêu lên sự thất bại của con đường cứu nước theo lập trường phong kiến cuối thế kỷ XIX, phân tích bối cảnh và yêu cầu đặt ra của lịch sử dân tộc về con đường cứu nước ở đầu thế kỷ XX. Nội dung chính của học phần là làm sáng rõ khuynh hướng cứu nước dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX, nhất là sự lựa chọn giữa con đường cách mạng tư sản và cách mạng vô sản của dân tộc ta diễn ra trong những năm 20 của thế kỷ XX. Và cuối cùng, lịch sử dân tộc, nhân dân Việt Nam đã lựa chọn cho mình con đường cách mạng vô sản - đáp ứng được yêu cầu của lịch sử dân tộc và phù hợp với xu thế thời đại.

4.30.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Chuyên đề này nhằm đem lại những hiểu biết và những nhận thức về canh tân, duy tân, Đổi mới đất nước diễn ra ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đến nay. Hiểu được đây là một xu hướng tất yếu trong lịch sử Việt Nam nhằm đổi mới tư duy và hành động nhằm đưa đất nước phát triển. Trong lịch sử cận hiện đại Việt Nam đã từng diễn ra những xu hướng như vậy là nhằm ba mục đích: bảo vệ nền độc lập, giành lại nền độc lập và đưa dân tộc Việt Nam phát triển sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới.

4.30.3. Năng lực cần đạt được

Từ kiến thức môn học, học viên có khả năng đúc kết bài học lịch sử và so sánh, vận dụng trong công cuộc Đổi mới hiện nay.

4.30.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

Giảng lý thuyết trên lớp; gợi mở những vấn đề rộng hơn phạm vi bài giảng yêu cầu học viên tự nghiên cứu, viết bài luận thu hoạch về kết quả nghiên cứu; tổ chức thảo luận những nội dung khó.

4.30.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Văn Tạo (2006), *Mười cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học Sư Phạm.

2. Trương hữu Quỳnh(2000), *Mười cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc*, Nxb ĐHQG,HN.

* Tài liệu tham khảo

1. Tôn Quang Phiệt(1957), *Phan Bội Châu, Phan châu Trinh*, Nxb KHXH, HN.

2. Lê Minh Quốc(2000), *Những nhà cải cách VN*, TPHCM Nxb Trẻ,

3. Đặng Huy Vận, Trương Thâu(1961), *Những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ cuối TK XIX*, H Giáo dục.

4. Trần Bá Đệ (2000), *Đổi mới đất nước 1986 đến nay*, Nxb Giáo dục, HN.

6. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên)(2001), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB GD, HN.

4.30.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.31. Học phần: Một số vấn đề về Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam - *The issues of the 1945 August Revolution in Vietnam*

4.31.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu một cách khái quát quá trình chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam, phân tích các vấn đề cơ bản như: phạm vi và thời kỳ, vấn đề thời cơ, những ưu điểm và hạn chế, tính chất, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám. Trên cơ sở đó, tập trung làm sáng rõ những đặc điểm cơ bản của Cách mạng tháng Tám.

4.31.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Quá trình chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám, phân tích các vấn đề phạm

vi, thời kỳ, thời cơ, những ưu điểm và hạn chế, tính chất, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám.

4.31.3. Năng lực cần đạt được

Kỹ năng phân tích, đối sánh, đánh giá, tường thuật các sự kiện lịch sử có liên quan đến cuộc vận động Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam

4.31.4. Hình thức, tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.31.5. Danh mục giáo trình tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

1. Ban nghiên cứu LS Đảng TW, *Cách mạng tháng Tám 1945*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1971.

2. *Cách mạng tháng Tám trong tiến trình lịch sử dân tộc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Những nghị quyết cơ bản dẫn tới thắng lợi Cách mạng tháng Tám: Hội nghị TW lần thứ VI, VII, VIII (1939 - 1941)*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1983.

* Tài liệu tham khảo

1. Trần Hữu Đính, Lê Trung Dũng, *Cách mạng tháng Tám 1945 - những sự kiện lịch sử*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.

2. Trần Văn Giàu, *Từ Cách mạng tháng Mười đến cách mạng tháng Tám*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1957.

3. Trung tâm KHXH và nhân văn Quốc gia - Viện Sử học, *Cách mạng tháng Tám một số vấn đề lịch sử*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.

4. Trường Chinh, *Cách mạng tháng Tám Việt Nam*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1974.

5. Phan Ngọc Liên, *Cách mạng tháng Tám 1945 toàn cảnh*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2005.

4.31.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.28. Luận văn tốt nghiệp/ Graduate thesis

a) Luận văn là một báo cáo khoa học, vừa có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; vừa giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

b) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

d) Luận văn được trình bày theo Quy định thủ tục đăng ký làm luận văn, bảo vệ luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành theo Quyết định số 512-QĐ/ĐHHD ngày 17/4/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

5. Quy định về đánh giá học phần (Theo khoản 2,3,4,5,6, điều 25 trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHD ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng)

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai các quy định về đánh giá học phần trong đề cương chi tiết học phần và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung, mục tiêu và đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp và đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần;

d) Kết hợp hình thức kiểm tra thường xuyên, với đánh giá ý thức chuyên cần học tập, tính độc lập, sáng tạo của người học và thi kết thúc học phần vào đánh giá kết quả học phần.

2. Quy trình đánh giá học phần:

Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

a) Giảng viên giảng dạy học phần tổ chức kiểm tra thường xuyên (bài kiểm tra hoặc bài tập lớn hoặc tiểu luận) theo đề cương chi tiết học phần và chấm điểm chuyên cần, tinh thần, thái độ học tập, tính độc lập và sáng tạo của học viên. Sau khi kết thúc học phần, các khoa, bộ môn phụ trách chuyên ngành xét điều kiện dự thi các học phần và nộp kết quả xét điều kiện dự thi về Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, đồng thời lưu điều kiện dự thi tại khoa, bộ môn phụ trách.

Đề thi kết thúc học phần do Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức ra đề hoặc dùng ngân hàng đề thi. Đề thi và đáp án có chữ ký của giảng viên ra đề thi và Trưởng bộ môn, ký niêm phong và nộp về phòng Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí.

b) Việc tổ chức chấm thi, lên điểm, quản lý bài thi được thực hiện theo Quy định chung của Nhà trường.

Điểm kiểm tra và điểm chuyên cần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Căn cứ vào số tiết học có mặt trên lớp/nhóm của học viên để giảng viên cho điểm chuyên cần. Tham gia:

+ 100% số tiết học của học phần đạt điểm 10;

+ 96-99% số tiết của học phần đạt điểm 9,0;

- + 92-95% số tiết của học phần đạt điểm 8,0;
- + 88-91% số tiết của học phần đạt điểm 7,0;
- + 84-87% số tiết của học phần đạt điểm 6,0;
- + 80-83% số tiết của học phần đạt điểm 5,0;

c) Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KT), điểm chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo của học viên (CC) và điểm thi kết thúc học phần (ĐT) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau: $\text{ĐHP} = 0,3\text{KT} + 0,2\text{CC} + 0,5\text{ĐT}$.

d) Các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần và điểm đánh giá học phần được ghi vào bảng điểm của học phần theo mẫu thống nhất do Nhà trường quy định, có chữ ký của các giảng viên chấm thi và giảng viên giảng dạy.

đ) Điểm học phần từng môn của mỗi học viên phải được ghi và lưu trong sổ điểm chung của khoá đào tạo.

e) Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học có trách nhiệm bảo quản các bài thi, lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm ít nhất là 05 năm kể từ khi kết thúc khoá đào tạo.

3. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Học viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

b) Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác;

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

Không tổ chức kiểm tra, thi ngoài các kì kiểm tra và thi nêu trong lịch trình giảng dạy và đã được công bố từ đầu khoá học.

4. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm đánh giá học phần đạt từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm học phần dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần tương đương (nếu là học phần tự chọn) với khóa sau để cải thiện điểm. Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học. Nếu học viên học và thi lại nhưng điểm trung bình chung tất cả các học phần vẫn chưa đạt 5,5 thì học viên sẽ bị đình chỉ học tập.

5. Các khiếu nại về điểm chấm thi được giải quyết theo quy định trong vòng 30 ngày sau ngày công bố kết quả.

6. Xử lí vi phạm trong quá trình đánh giá học phần: Học viên sao chép bài tập,

tiểu luận của người khác, sử dụng trái phép tài liệu sẽ bị đình chỉ thi và bị điểm không (0) cho học phần hoặc bài tập hoặc tiểu luận đó.

6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu

- Phòng học có trang bị máy chiếu, micro có dây/không dây, wifi...
- Phòng bảo vệ luận văn có đầy đủ trang thiết bị (máy chiếu, micro có dây/không dây, wifi...), lịch sự, hiện đại.
- Thư viện: Cơ bản có đủ các Giáo trình và Tài liệu tham khảo theo yêu cầu của các môn học.

7. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành lịch sử Việt Nam được xây dựng trên cơ sở Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng. Chương trình là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo. Hiệu trưởng quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Phòng Quản lý đào tạo sau đại học, khoa Khoa học xã hội, bộ môn Lịch sử và bộ phận được phân công phụ trách có trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo đảm bảo chất lượng, đúng quy định của nhà trường và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ vào chương trình, Trường các khoa, các bộ môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần, hồ sơ học phần theo quy định của nhà trường sao cho đảm bảo mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội.

Trưởng khoa chuyên môn phê duyệt đề cương chi tiết học phần; xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế (nếu có); các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hằng năm nếu khoa/bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, đơn vị làm văn bản trình hội đồng Khoa học & Đào tạo trường xem xét, nếu hợp lý, hội đồng Khoa học & Đào tạo trường trình Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Lê Hoàng Bá Huyền